TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30A/2022/DS - ST

Ngày: 07/4/2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh H.

2. Ông Nguyễn Văn T.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Ông Đặng Văn S - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2021/TLST – DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị U, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Hữu H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh B.

Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Gành Hào, huyện Đ, tỉnh B.

(bà U, anh H có mặt; chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2021 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phùng Thị U trình bày:

Do chị Huỳnh Ngọc T là cháu dâu của bà, nên vào ngày 05/11/2019 bà có cho Huỳnh Ngọc T mượn số tiền 50.000.000đ. Sau đó, chị T có trả bà 04 lần bằng số tiền 13.800.000đ. Đến năm 2020 bà tiếp tục cho chị T mượn thêm 02 chưng hụi 5.000.000đ, dây hụi có tất cả 30 kỳ, hốt cuối là 5.000.000đ x 28 kỳ x 02 chưng

bằng tổng số tiền 280.000.000đ, trừ cò 5.000.000đ, bằng số tiền 275.000.000đ. Trong các lần nhận tiền thì bà trực tiếp đưa cho chị T số tiền 50.000.000đ, số tiền 275.000.000đ là tiền bà hốt 02 chưng hụi từ chị Trinh (chủ hụi), bà cho chị T mượn, chị T trực tiếp nhận tiền từ chị Trinh. Khi bà cho T mượn tiền Lê Hữu H có biết. Nay tổng cộng hiện nay chị T còn nợ lại bà số tiền 311.200.000đ, bà khởi kiện yêu cầu Huỳnh Ngọc T và Lê Hữu H có trách nhiệm giao trả cho bà số tiền 311.200.000đ.

Tại phiên tòa bà xác định, bà hốt 02 chưng hụi do chị Trinh làm chủ vào kỳ khui thứ 14 được số tiền 124.400.000đ và một chưng ở kỳ khui thứ 17 được số tiền 129.000.000đ. Tổng 02 chưng hụi hốt được số tiền 253.400.000đ để cho chị T mượn, chị T trực tiếp nhận tiền từ chị Trinh. Tuy nhiên, do số tiền hụi chết bà là người đóng đến khi mãn hụi nên bà yêu cầu chị T, anh H có trách nhiệm giao trả tiền tính đến khi mãn hụi là 5.000.000đ x 28 kỳ khui x 02 chưng = 280.000.000đ, trừ còn 5.000.000đ, còn lại 275.000.000đ.

Anh Lê Hữu H trình bày: Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau thì tất cả tiền bạc do chị T quản lý. Anh có biết T có mượn tiền của bà U nhưng cụ thể thế nào thì anh không rõ. Sau này khi chị T đi thì chị T có nói nợ bà U số tiền 311.200.000đ, tiền mượn trực tiếp từ bà U và mượn hụi của bà U (bà U chơi hụi chỗ chủ hụi tên Trinh và bà U cho T mượn để hốt, chị T trực tiếp nhận tiền hụi từ chị Trinh). Vào tháng 3/2021 khi anh và chị T ly hôn thì không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung, anh và chị T tự thỏa thuận. Phần tài sản chung chị T giao lại toàn bộ cho anh và nợ thì anh có trách nhiệm trả. Nhưng do T không sang tên tài sản cho anh, anh không thể bán trả nợ cho bà U được, nên bà U khởi kiện đến Tòa án.

Nay anh cũng đồng ý cùng với chị T giao trả cho bà U số tiền 311.200.000đ. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị U đối với anh Lê Hữu H và chị Huỳnh Ngọc T. Buộc anh Lê Hữu H và chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phùng Thị U số tiền vay hụi là 245.000.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị U đối với anh Lê Hữu H: Buộc anh Lê Hữu H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Phùng Thị U số tiền vay trực tiếp là 36.000.000đ.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị U yêu cầu anh Lê Hữu H và chị Huỳnh Ngọc T trả số tiền vay hụi là 30.000.000đ.

3. Về án phí: Buộc anh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.935.000 đồng, buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.125.000 đồng và buộc bà U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 đồng, đối trừ tiền dự nộp án còn lại là 6.305.000 đồng, bà U được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Phùng Thị U khởi kiện yêu cầu anh Lê Hữu H, chị Huỳnh Ngọc T giao trả tiền vay. Anh H, chị T có địa chỉ cư trú tại tại thị trấn Gành Hào, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Chị Huỳnh Ngọc T vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Phùng Thị U yêu cầu anh Lê Hữu H và chị Huỳnh Ngọc T giao trả số tiền nợ là 311.200.000đ. Bà U xác định trong tổng số tiền 311.200.000đ thì gồm có số tiền mượn 36.200.000đ tiền cho mượn 02 chưng hụi để hốt bằng số tiền 275.000.000đ.

Xét thấy, mặc dù bà U xác định đây là tiền mượn và tiền hụi, nhưng về mặt bản chất cả hai giao dịch trên điều là giao dịch vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, là hình thức vay không lãi suất. Bởi vì, đối với số tiền mượn 36.200.000đ bà U là người trực tiếp đưa cho chị T; đối với số tiền 275.000.000đ bà U yêu cầu xác định là tiền bà cho chị T mượn 02 chưng hụi hốt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà U thừa nhận bà trực tiếp chơi hụi từ chị Trinh (chủ hụi) và bà yêu cầu chị Trinh hốt 01 chưng hụi ở kỳ khui thứ 14 được số tiền 124.400.000đ và hốt chưng hụi thứ 2 ở kỳ khui thứ 17 được số tiền 129.000.000đ, tổng cộng là 253.400.000đ và bà nhờ bà Trinh giao tiền cho chị T.

Đồng thời, qua xác minh chị Trần Thùy Trinh là chủ hụi xác định, bà U có

tham gia chơi của chị 02 chưng hụi, loại hụi 5.0000.000đ, hụi có tất cả 30 kỳ, nhưng chị không biết việc giữa bà U và chị T thỏa thuận với nhau như thế nào, chị chỉ biết bà U yêu cầu chị hốt hết 02 chưng và kêu chị giao tiền hụi cho chị T (một chưng hốt ở kỳ khui thứ 14 được số tiền 124.400.000đ và một chưng hốt ở kỳ khui 17 được số tiền 129.000.000đ) chị giao cho chị T tổng số tiền 253.400.000đ. Sau khi hốt hụi thì bà U đóng hụi tới kỳ khui thứ 27, còn lại 03 kỳ hụi thì chị T đóng.

Như vậy có căn cứ để xác định, bà U là người hốt 02 chưng hụi từ chị Trinh và giao cho chị T mượn với tổng số là 253.400.000đ. Nên có căn cứ để xác định chị T có nhận số tiền 253.400.000đ và nợ bà U số tiền này. Tuy nhiên, do chị T có trả lại 03 kỳ hụi chết cho chị Trinh bằng số tiền 30.000.000đ nên cần được trừ vào số tiền trên. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định chị T có nợ của bà U số tiền 223.400.000đ cần buộc chị T giao trả cho bà U. Tuy nhiên, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh H phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị T giao trả ½ số tiền trên là phù hợp.

Bà U khởi kiện yêu cầu anh H và chị T cùng có trách nhiệm liên đới giao trả cho bà số tiền 311.200.000đ. Đây là khản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên cần buộc anh H, chị T mỗi người trả một nữa số tiền trong tổng số tiền 311.200.000đ là phù hợp. Tuy nhiên, do chị T không hợp tác, bà U không cung cấp được bất kỳ chứng cứ gì để chứng minh chị T có nợ số tiền 155.600.000đ. Do đó, chỉ có căn cứ buộc chị T giao trả cho bà U số tiền 111.700.000đ.

Tuy có chứng cứ chứng minh chị T đã trả được cho bà U số tiền 30.000.000đ, nên cần được đối trừ số tiền này vào số tiền chị T đã nợ bà U. Đồng thời đối với số tiền bà U yêu cầu 275.000.000đ, nhưng chỉ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 253.400.000đ. Tuy nhiên, do anh H không yêu cầu đối trừ, anh thừa nhận có nợ của bà U tổng số tiền 311.200.000đ và đồng ý giao trả nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh H, buộc anh H có trách nhiệm giao trả cho bà U số tiền còn lại là 199.500.000đ là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phùng Thị U không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 7.805.000đ bà phùng Thị U đã nộp theo biên lai thu số 0001977 ngày 31/12/2021 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh Lê Hữu H phải nộp án phí số tiền 199.500.000đ x 5% = 9.975.000đ; chị Huỳnh Ngọc T phải nộp án phí số tiền 111.700.000đ x 5% = 5.585.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị U đối với anh Lê Hữu H và chị Huỳnh Ngọc T.

Buộc chị Huỳnh Ngọc T có trách nhiệm giao trả cho bà Phùng Thị U số tiền 111.700.000đ.

Buộc Anh Lê Hữu H có trách nhiệm giao trả cho bà Phùng Thị U số tiền 199.500.000đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phùng Thị U không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí 7.805.000đbà phùng Thị U đã nộp theo biên lai thu số 0001977 ngày 31/12/2021 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh Lê Hữu H phải nộp án phí số tiền 9.975.000đ; chị Huỳnh Ngọc T phải nộp án phí số tiền 5.585.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N